

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 318/2024/DS-ST
Ngày: 20/8/2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hoa Kiều

2/ Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy Trang - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2024/QĐST-DS ngày 06/8/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Võ Thị U - sinh năm: 1970;

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Phạm Ngọc Dũng – sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 280/1, ấp HG, xã MP, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:**

1/ Đoàn Phương Q - sinh năm 1967;

2/ Nguyễn Thị T – sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Đoàn Phương Th – sinh năm 1996;

2/ Lê Thị Lan C – sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ông Dũng, ông Q, ông Th, bà Lan C có đơn xin vắng mặt;

Bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện uỷ quyền của nguyên đơn là Phạm Ngọc Dũng trình bày:**

Ông Q và bà T là vợ chồng có làm chủ hội, bàU có tham gia chơi hội do ông Q, bà T làm chủ hội. BàU tham gia 03 dây hội. Cụ thể như sau:

1/ Dây thứ 1: Hội 2.000.000 đồng, khai vào ngày 15/11/2022 AL, gồm 24 phần, bàU tham gia 01 phần, trong danh sách hội thì chủ hội ghi bà Võ ThịU với tên gọi ChịU Ba. Dây hội này bàU đã đóng được 15 phần hội sống, mỗi phần 1.450.000 đồng tương đương với số tiền 15 phần x 1.450.000 đồng = 21.750.000 đồng.

2/ Dây thứ 2: Hội 2.000.000 đồng, khai vào ngày 25/4/2023 AL, (dây 1) gồm 24 phần, bàU tham gia 01 phần, trong danh sách hội thì chủ hội ghi bà Võ ThịU với tên gọi DiU Ba. Dây hội này bàU đã đóng được 09 phần hội sống, mỗi phần 1.450.000 đồng tương đương với số tiền 09 phần x 1.450.000 đồng = 13.050.000 đồng.

3/ Dây thứ 3: Hội 2.000.000 đồng, khai vào ngày 25/4/2023 AL, (dây 2) gồm 24 phần, bàU tham gia 01 phần, trong danh sách hội thì chủ hội ghi bà Võ ThịU với tên gọi DiU Ba. Dây hội này bàU đã đóng được 09 phần hội sống, mỗi phần 1.450.000 đồng tương đương với số tiền 09 phần x 1.450.000 đồng = 13.050.000 đồng.

Như vậy, bà Võ ThịU đã đóng cho ông Q, bà T tổng cộng 47.850.000 đồng.

Trong quá trình tham gia chơi hội thì ông Q, bà T làm chủ hội. Còn ông Th (con ông ông Q, bà T) nhận tiền hội, bà C (con dâu ông Q, bà T) lập danh sách hội viên và nhận tiền đóng hội. Tháng 01/2024 âm lịch đến kỳ khai hội thì ông Q, bà T ngưng việc chơi hội, trong khi hội chưa mãn nhưng không trả tiền hội sống.

Tại phiên hoà giải hôm nay bàU có nộp tờ giấy A4 (bản pho to) với nội dung “đầu trang là dòng chữ 25.4.2023 ÂL 2P.....cuối trang là dòng chữ Chủ hội và ký tên”. BàU cho rằng đây là biên nhận tổng kết hội do bà Lan C (con dâu của bà T) ghi và ký tên. Chữ viết và chữ ký trong tờ giấy A4 ngày 17 tháng 1 năm 2024 AL là do bà Lê Thị Lan C viết và ký tên chứ không phải bà Nguyễn Thị T. Trong tờ giấy A4 có ghi “Tôi chủ hội (Vợ Hai Q)” đó chính là nói đến bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T là vợ ông Đoàn Phương Q (ở nhà ông Q thứ hai nên gọi là Hai Q). BàU nộp cho Toà án tờ giấy A4 (bản pho to) và 03 danh sách hội viên (bản pho to) thì bàU không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ gì khác.

*** Tại bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2024 bị đơn Đoàn Phương Q trình bày:**

Vào năm 1988 tôi có kết hôn với Nguyễn Thị T – sinh năm 1967, hai người về ở chung nhà với cha mẹ tôi đến năm 1991 chúng tôi sinh được 01 người con tên Đoàn Phương Tiến và đến năm 1996 sinh thêm 01 người con tên Đoàn Phương Th. Chúng tôi chung sống với nhau đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã thoả thuận sống ly thân, từ đó đến nay cuộc sống ai nấy lo còn

việc vô hui tôi hoàn toàn không có tham gia, kêu gọi hui viên. Hôm nay tôi làm bản tự khai này kính gửi Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo xem xét giải quyết cho tôi.

*** *Tại bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2024 bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:***

Năm 1988 tôi có kết hôn với ông Q và theo chồng về làm dâu nhà ba mẹ chồng, tôi đã làm dâu nhiều năm, không đi làm nên không có thu nhập ổn định. Năm 2008 tôi có ý định làm chủ hui góp vốn sẽ có nguồn thu nhập từ chủ hui để có tiền mua sắm tư trang cá nhân mà không lệ thuộc bên chồng. Bắt đầu giữa năm 2008 tôi đã kêu gọi làm hui, hui do tôi làm chủ ăn tiền đầu thảo với hui viên, tất cả hui viên đều đồng ý tự nguyện, hui được mở ra với sự thoả thuận chung của hui viên là hui tháng, tôi mở hui 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng hàng tháng. Tôi làm chủ hui gom hui, giao hui đều do các hui viên thống nhất đồng ý. Công việc làm ổn định thời gian dài đến năm 2021 do dịch covid nên hui phải đi vay mượn để chằng cho hui viên, do nhiều người không có khả năng đóng đến tháng 02/2024 tôi cũng đã hết khả năng chằng hui cho hui viên đã hết nên các hui viên còn lại đồng khởi kiện tôi. Nay tôi không có nguồn thu nhập còn bị gia đình hắt hủi không quan tâm, tôi phải kiếm công việc lao động để có cách trả nợ cho các hui viên, tôi tính tiền hui còn thiếu hui viên Võ ThịU số tiền 47.800.000 đồng, tôi xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Phương Th và Lê Thị Lan C mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến cho Toà.***

* Tại phiên toà, đại diện uỷ quyền nguyên đơn Phạm Ngọc Dũng có đơn đề ngày 15 tháng 8 năm 2024 xin xét xử vắng mặt, trong đơn ông Dũng xin Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông trong phiên toà ngày 20/8/2024. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Dũng với tư cách là đại diện uỷ quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Phương Th và Lê Thị Lan C. BàU yêu cầu bị đơn Đoàn Phương Q và Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ ThịU số tiền 47.850.000 đồng.

*** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc bàU yêu cầu ông Th, bà Lan C cùng liên đới trả nợ. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bàU về việc yêu cầu bà T, ông Q trả số tiền nợ hui 50.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bàU. Buộc bà T, ông Q có nghĩa vụ trả cho bàU số tiền nợ hui là 47.800.000 đồng. Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] BàU khởi kiện yêu cầu bà T, ông Q trả cho bà số tiền nợ hụi, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà T, ông Q là bị đơn có nơi cư trú tại: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bà T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Ông Dũng, ông Q, ông Th, bà Lan C có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Dũng, ông Q, ông Th, bà Lan C.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bàU, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15 tháng 8 năm 2024 đại diện uỷ quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Th, bà Lan C liên đới trả nợ, xét thấy, việc rút này là tự nguyện và nằm trong phạm vi khởi kiện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] BàU khởi kiện yêu cầu bà T, ông Q trả số tiền nợ hụi 47.850.000 đồng. Do quen biết và việc tham gia chơi hụi theo dân gian nên mỗi lần đóng hụi cho bà T thì bà T không có làm biên nhận gì cho bàU. Đối với danh sách hụi thì bàU chỉ cung cấp bản pho to, theo đó bàU trình bày bà có tham gia 03 dây hụi do bà T làm chủ hụi, cụ thể: Dây thứ 1: Hụi 2.000.000 đồng, khai vào ngày 15/11/2022 AL, gồm 24 phần, bàU tham gia 01 phần, trong danh sách hụi thì chủ hụi ghi bà Võ ThịU với tên gọi ChiU Ba, dây hụi này bàU đã đóng được 15 phần hụi sống, mỗi phần 1.450.000 đồng tương đương với số tiền 15 phần x 1.450.000 đồng = 21.750.000 đồng. Dây thứ 2: Hụi 2.000.000 đồng, khai vào ngày 25/4/2023 AL, (dây 1) gồm 24 phần, bàU tham gia 01 phần, trong danh sách hụi thì chủ hụi ghi bà Võ ThịU với tên gọi DiU Ba, dây hụi này bàU đã đóng được 09 phần hụi sống, mỗi phần 1.450.000 đồng tương đương với số tiền 09 phần x 1.450.000 đồng = 13.050.000 đồng. Dây thứ 3: Hụi 2.000.000 đồng, khai vào ngày 25/4/2023 AL, (dây 2) gồm 24 phần, bàU tham gia 01 phần, trong danh sách hụi thì chủ hụi ghi bà Võ ThịU với tên gọi DiU Ba, dây hụi này bàU đã đóng được 09 phần hụi sống, mỗi phần 1.450.000 đồng tương đương với số tiền 09 phần x 1.450.000 đồng = 13.050.000 đồng, tổng cộng bà T còn nợ bàU số tiền hụi 47.850.000 đồng, bàU chỉ cung cấp bản chính một tờ giấy ngày 17/1/2024 AL có nội dung là những con số và dòng chữ “Tôi chủ hụi (Vợ Hai Q) xin hứa trong 3 tháng sẽ hoàn trả đủ số tiền 47.850.000^d cho côU Ba” rồi ký tên không ghi rõ họ tên, ông Dũng trình bày đây là chữ viết và chữ ký của bà Lan C (con dâu bà T) nhưng bà Lan C không có đến Toà và cũng không thừa nhận đây là chữ viết và chữ ký của bà nên không được xem là tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho bàU; ngoài ra thì bàU không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh bà T, ông Q nợ số tiền 47.850.000 đồng. Đối với bà T mặc dù bà không có đến Toà không tham gia phiên hoà giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, xét xử nhưng bà có gửi bản tự khai thừa nhận bà còn nợ bàU số tiền nợ hụi 47.800.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử

chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bàU về việc yêu cầu bà T trả số tiền 47.800.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bàU về việc yêu cầu bà T trả số tiền 50.000 đồng.

[2.3] Đối với trách nhiệm liên đới: BàU yêu cầu bà T, ông Q liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q trình bày ông và bà T đã sống ly thân, kinh tế mạnh ai nấy lo, ông không có liên quan gì đến việc bà T làm chủ hụi, lời trình bày của ông Q không có căn cứ, bởi lẽ, đến thời điểm hiện nay ông Q, bà T vẫn là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, ngoài ra, bà T làm chủ hụi trong khoảng thời gian dài từ năm 2008 cho đến sau năm 2021 (thời điểm dịch covid bùng phát) thì mới bẻ hụi, mất khả năng thanh toán. Do đó, bàU yêu cầu bà T, ông Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bàU, buộc bà T và ông Q có trách nhiệm liên đới trả cho bàU số tiền 47.800.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bàU về việc yêu cầu bà T, ông Q trả 50.000 đồng.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[4] Về án phí: BàU phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T, ông Q phải chịu án phí đối với yêu cầu của bàU được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bàU về việc yêu cầu ông Th, bà Lan C cùng liên đới trả nợ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ ThịU.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Đoàn Phương Q có nghĩa vụ trả cho bà Võ ThịU số tiền 47.800.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bàU có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T, ông Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bàU về việc yêu cầu bà T, ông Q trả cho bà số tiền 50.000 đồng.

4. Về án phí: Ông Đoàn Phương Q, bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.390.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

BàU phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 1.196.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0007402 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của C cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại cho bàU số tiền 896.000 đồng.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA